

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 10274: 2013

Xuất bản lần 1

**HOẠT ĐỘNG THƯ VIỆN –
THUẬT NGỮ VÀ ĐỊNH NGHĨA CHUNG**

*Library activities-
General terms and definitions*

HÀ NỘI - 2013

Mục lục

	Trang
Lời nói đầu	5
Lời giới thiệu	6
1 Phạm vi áp dụng	7
2 Tài liệu viện dẫn	7
3 Thuật ngữ và định nghĩa	7
3.1 Khái niệm chung và thuật ngữ liên quan	7
3.2 Các loại hình thư viện	11
3.3 Các nguồn lực của thư viện	15
3.4 Tổ chức lao động và hoạt động nghiệp vụ thư viện	19
Mục lục tra cứu thuật ngữ theo thứ tự bảng chữ cái Việt Nam	26
Mục lục tra cứu thuật ngữ theo thứ tự bảng chữ cái Anh	33
Mục lục tra cứu thuật ngữ theo thứ tự bảng chữ cái Nga	39
Thư mục tài liệu tham khảo	46

Lời nói đầu

TCVN 10274:2013 do Thư viện Quốc gia Việt Nam biên soạn, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Lời giới thiệu

Tiêu chuẩn TCVN 10274:2013 là tiêu chuẩn quốc gia chuyên ngành về hoạt động thư viện, bao gồm 152 thuật ngữ và định nghĩa chung sử dụng trong lĩnh vực hoạt động thư viện.

Cùng với việc xây dựng 109 thuật ngữ mới, tiêu chuẩn này còn viện dẫn 43 thuật ngữ chung về lĩnh vực thư viện hoặc liên quan đến hoạt động thư viện của TCVN 5453:2009 *Thông tin và tư liệu - Từ vựng*. Trong đó:

- 3.1 Khái niệm chung và thuật ngữ liên quan, gồm 34 thuật ngữ và định nghĩa (viện dẫn 11 thuật ngữ)
- 3.2 Các loại hình thư viện, gồm 32 thuật ngữ và định nghĩa (viện dẫn 15 thuật ngữ)
- 3.3 Các nguồn lực thư viện, gồm 35 thuật ngữ và định nghĩa (viện dẫn 8 thuật ngữ)
- 3.4 Tổ chức lao động và hoạt động nghiệp vụ thư viện, gồm 51 thuật ngữ và định nghĩa (viện dẫn 9 thuật ngữ).

Các thuật ngữ và định nghĩa có khái niệm bao quát rộng hơn được xếp trước các thuật ngữ và định nghĩa có khái niệm mang tính khái quát hẹp hơn. Mỗi thuật ngữ trong tiêu chuẩn này được kèm theo thuật ngữ tiếng Anh dùng làm tham chiếu để trong ngoặc đơn. Tham chiếu bằng tiếng Nga của thuật ngữ được sắp xếp ở "Mục lục tra cứu tiếng Nga". Có ba mục lục tra cứu bằng ba ngôn ngữ theo thứ tự: Việt - Anh - Nga.

Trong các năm tiếp theo, Thư viện Quốc gia Việt Nam sẽ tiếp tục xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực hoạt động thư viện, cụ thể:

- Hoạt động thư viện - Thuật ngữ và định nghĩa về bổ sung và biên mục
- Hoạt động thư viện - Thuật ngữ và định nghĩa về tổ chức kho và bảo quản
- Hoạt động thư viện - Thuật ngữ và định nghĩa về sản phẩm và dịch vụ thư viện

Hoạt động thư viện - Thuật ngữ và định nghĩa chung

Library activities - General terms and definitions

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các thuật ngữ và định nghĩa cơ bản về hoạt động thư viện

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây là cần thiết để việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả sửa đổi, bổ sung (nếu có)

TCVN 5453:2009 (ISO 5127:2001) Thông tin và tư liệu - Từ vựng

3 Thuật ngữ và định nghĩa

3.1 Khái niệm chung và thuật ngữ liên quan

3.1.1

Thư viện (library)

Tổ chức hay bộ phận của tổ chức trong đó các **kho thư viện (3.3.1.3)** được lập, duy trì và sẵn sàng cho mượn nhờ các dịch vụ của một đội ngũ nhân viên

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.1.04]

CHÚ THÍCH: Thư viện, không phụ thuộc vào tên gọi của nó, là bất cứ bộ sưu tập có tổ chức nào của sách, xuất bản phẩm định kỳ hoặc các tài liệu khác, kể cả đồ họa, nghe - nhìn và nhân viên phục vụ có trách nhiệm tổ chức cho bạn đọc sử dụng các tài liệu đó nhằm mục đích thông tin, nghiên cứu khoa học, giáo dục hoặc giải trí

3.1.2

Khoa học thư viện (library science)

Một nhánh của khoa học thông tin có liên quan đến việc tổ chức, quản lý và hoạt động của các **Kho thư viện (3.3.1.3)** hoặc các **thư viện (3.1.1)**

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 1.2.10]

CHÚ THÍCH: Khoa học xã hội nghiên cứu lịch sử, lý luận, quy luật, nguyên tắc hình thành, phát triển và tổ chức vận hành sự nghiệp thư viện

3.1.3

Hoạt động thư viện (library activities)

Công việc nghiệp vụ do thư viện tiến hành, bao gồm: thu thập, xử lý, bảo quản và tổ chức sử dụng chung tài liệu trong xã hội

TCVN 10274:2013

3.1.4

Hiệu quả hoạt động thư viện (effectiveness of library activities)

Mức độ phù hợp của kết quả hoạt động thư viện về việc đáp ứng nhu cầu của xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của thư viện và sự đầu tư

3.1.5

Tính phổ cập của thư viện (accessibility of library)

Sự bình đẳng của mọi người dân trong sử dụng thư viện

3.1.6

Nghề thư viện (library profession)

Nghề liên quan đến áp dụng những kiến thức, nguyên tắc, phương pháp kỹ thuật vào việc xây dựng, xử lý, bảo quản, tổ chức khai thác, sử dụng vốn tài liệu và quản trị bộ máy tra cứu - tìm tin của thư viện

3.1.7

Quản lý nhà nước về thư viện (state management on activities)

Hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý, sự vận hành và phát triển hoạt động thư viện

3.1.8

Tập trung hóa thư viện (library centralization)

Quá trình liên kết các thư viện độc lập trở thành chi nhánh của một thư viện được chọn làm thư viện trung tâm

3.1.9

Hệ thống thư viện (library system)

Nhóm các thư viện liên quan với nhau được quản lý hành chính chung hoặc một nhóm thư viện độc lập nhưng được liên kết bởi những quy định chính thức, cùng chung mục đích và vận hành theo một thể thống nhất

3.1.10

Mạng lưới thư viện (library network)

Tập hợp thư viện thuộc các loại hình, hệ thống khác nhau, tồn tại trên cùng lãnh thổ và liên kết, phối hợp hoạt động

3.1.11

Luật pháp thư viện (library legislation)

Những quy định của pháp luật điều chỉnh các hoạt động thư viện vì lợi ích của cộng đồng và phát triển xã hội

3.1.12

Bản quyền (copyright)

Quyền dành riêng để khai thác một tác phẩm trí tuệ

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 7.2.2.02]

CHÚ THÍCH: Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng

3.1.13

Lưu chiếu (legal deposit)

Lưu chiếu bản quyền (copyright deposit)

Quá trình mà tài liệu được bổ sung vào kho của một thư viện đăng ký bản quyền, phù hợp với luật pháp hoặc các tài liệu được đăng ký lưu giữ như vậy

[TCVN 5453:2009; định nghĩa 4.1.2.07]

CHÚ THÍCH: Việc nộp xuất bản phẩm để lưu giữ, đối chiếu, kiểm tra, thẩm định cũng thuộc quá trình lưu chiếu

3.1.14

Bản lưu chiếu (deposit)

Bản của những xuất bản phẩm trong nước phải nộp theo chế độ lưu chiếu

3.1.15

Quyền số (digital right)

Quyền truy cập (mở) và chia sẻ nội dung thông tin được xuất bản hoặc phân phối dưới dạng số

3.1.16

Quản lý thư viện (library management)

Sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý vào việc tổ chức, lập kế hoạch, chỉ đạo, điều hành các hoạt động thư viện nhằm đạt được mục tiêu đề ra

3.1.17

Thống kê thư viện (library statistics)

Thu thập, tổ chức, phân tích, giải thích, trình bày số liệu về hiện trạng các hoạt động thư viện

3.1.18

Tổ chức lao động thư viện (organization of labour in library)

Tổ hợp các biện pháp tổ chức, hành chính, kỹ thuật, kinh tế, giáo dục đảm bảo việc sử dụng hợp lý các nguồn lực và nâng cao năng suất lao động trong thư viện

3.1.19

Kinh tế thư viện (library economics)

Sự áp dụng các kiến thức, nguyên tắc và quy luật kinh tế vào hoạt động dịch vụ thư viện

3.1.20

Đào tạo nghề thư viện (professional library education)

Giáo dục kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng nghề thư viện

3.1.21

Đạo đức nghề thư viện (code of ethics in librarianship)

Các chuẩn mực về nhận thức và hành vi phù hợp với đặc thù của hoạt động thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định

TCVN 10274:2013

3.1.22

Hội đồng thư viện (library council)

Tổ chức tư vấn gồm đại diện của các thư viện thuộc các bộ, ngành khác nhau phối hợp hoạt động để phát triển sự nghiệp thư viện

3.1.23

Hội thư viện (library association)

Hội nghề nghiệp của tổ chức, cá nhân quan tâm đến hoạt động thư viện, chia sẻ thông tin nghề nghiệp và là đại diện bảo vệ quyền lợi hội viên

3.1.24

Liên hiệp thư viện (library consortium)

Hình thức liên kết giữa các thư viện dựa trên sự đồng thuận và phối hợp hoạt động

3.1.25

Hợp tác thư viện (co-operation in library activities)

Sự hợp nhất các nguồn lực và hành động nhằm thực hiện những nhiệm vụ cụ thể trong hoạt động của những thư viện thỏa thuận hợp tác với nhau

3.1.26

Thư mục học (bibliography)

Các lý thuyết, hoạt động và các kỹ thuật xác định và mô tả các tài liệu (3.1.30)

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 1.2.14]

3.1.27

Khoa học thông tin (information science)

Nghiên cứu các chức năng, cấu trúc, quản lý các hệ thống thông tin và truyền thông tin (3.1.28)

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 1.2.08]

CHÚ THÍCH: Khoa học thông tin là bộ môn khoa học nghiên cứu cấu trúc, tính chất và tác động của thông tin, quy luật vận hành và các quá trình của thông tin, kể cả việc tổ chức quản lý các hệ thống thông tin nhằm khai thác hợp lý và sử dụng thông tin có hiệu quả

3.1.28

Thông tin (information)

Thông điệp nói chung được dùng để trình bày thông tin trong một quá trình truyền thông để tăng kiến thức

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 1.1.3.09]

CHÚ THÍCH: Tri thức được truyền thông – xem **Thông tin 1** [TCVN 5453 : 2009, định nghĩa 1.1.3.08]

3.1.29

Vật mang tin (carrier)

Chất liệu áp dụng vào một phương tiện lưu trữ dữ liệu để thể hiện thông tin (3.1.28)

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 6.1.06]

CHÚ THÍCH: Thành phần của một phương tiện lưu trữ dữ liệu mà trạng thái của chúng được thay đổi để thể hiện thông tin - xem **Vật mang tin (2)** [TCVN 5453 : 2009, định nghĩa 6.1.07]

3.1.30

Tài liệu (document)

Các thông tin được ghi lại hoặc đối tượng vật chất có thể được xử lý như đơn vị trong quá trình tư liệu hoá

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 1.2.02]

3.1.31

Kho tài liệu (document warehouse)

Nơi lưu giữ toàn bộ hay một phần vốn tài liệu thư viện, được tổ chức sắp xếp theo quy tắc nghiệp vụ thống nhất

CHÚ THÍCH: Các bộ sưu tập tài liệu có tổ chức được lưu giữ trong tòa nhà thư viện và thường xuyên tổ chức phục vụ cộng đồng

3.1.32

Cơ sở dữ liệu (database)

Tập hợp các dữ liệu liên quan, đủ cho một mục đích nhất định hoặc một hệ thống xử lý dữ liệu

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 1.1.4.11]

3.1.33

Ngân hàng dữ liệu (data bank)

Tập hợp các hồ sơ hay các cơ sở dữ liệu (3.1.32) được kết hợp với một hệ thống lưu trữ, một hệ thống xử lý và một hệ thống tìm tin

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 1.1.4.10]

3.1.34

Đọc (reading)

Loại hình hoạt động của nhận thức - giao tiếp nhằm thỏa mãn các nhu cầu khác nhau thông qua việc tiếp nhận bằng mắt các ký hiệu, thông tin trên các vật mang tin khác nhau

3.2 Các loại hình thư viện

3.2.1

Loại hình thư viện (type of library)

Đặc tính của thư viện được xác định dựa vào sự tương hợp với nhu cầu về tài liệu, thông tin của xã hội mà thư viện có trách nhiệm đáp ứng

3.2.2

Phân định loại hình thư viện (determining types of libraries)

Sự phân chia thư viện thành các loại hình khác nhau theo những đặc tính nhất định

3.2.2.1

Thư viện công lập (library based on state budget)

Thư viện (3.1.1) được nhà nước cấp kinh phí để hoạt động và tổ chức phục vụ cộng đồng theo quy định của pháp luật

3.2.2.2

Thư viện tư nhân (private library)

Kho thư viện (3.3.1.3) hoặc thư viện (3.1.1) do một người hoặc tập thể làm chủ

TCVN 10274:2013

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.18]

3.2.3

Thư viện tổng hợp (general library)

Về nguyên tắc, **kho thư viện (3.3.1.3)** hay **thư viện (3.1.1)** bao quát tất cả các lĩnh vực của chủ đề

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.01]

CHÚ THÍCH: **Kho thư viện (3.3.1.3)** có vốn tài liệu về tất cả hay phần lớn các lĩnh vực tri thức và phục vụ cộng đồng

3.2.3.1

Thư viện lai (hybrid library)

Thư viện (3.1.1) lưu giữ, tổ chức khai thác bộ sưu tập lai, các tài liệu in truyền thống cùng với các tài liệu điện tử

3.2.3.2

Thư viện đa phương tiện (multimedia library)

Thư viện (3.1.1) trong đó có kết hợp từ hai dạng phương tiện số trở lên được sử dụng đồng thời trong một ứng dụng máy tính hoặc tệp dữ liệu

3.2.3.3

Thư viện số (digital library)

Thư viện (3.1.1) có các bộ sưu tập được lưu giữ dưới dạng số và người dùng có thể truy cập thông qua máy tính hoặc mạng máy tính

3.2.4

Thư viện quốc gia (national library)

Kho thư viện (3.3.1.3) có trách nhiệm thu thập và bảo quản các bản của các xuất bản phẩm của một đất nước

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.02]

CHÚ THÍCH: Ngoài ra, thư viện quốc gia còn được coi là loại hình thư viện đặc biệt, được chính phủ của một quốc gia thành lập, cấp ngân sách hoạt động; có nhiệm vụ chủ yếu là sưu tập, lưu giữ, bảo quản và phổ biến đầy đủ nhất các tài liệu được xuất bản trong nước để cộng đồng sử dụng.

3.2.5

Thư viện công cộng (public library)

Thư viện tổng hợp (3.2.3) phục vụ một cộng đồng địa phương

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.15]

CHÚ THÍCH: Cùng một định nghĩa cơ bản áp dụng cho các thuật ngữ sử dụng các tên khác của các loại thư viện. Ví dụ: "thư viện cấp tỉnh"

3.2.5.1

Thư viện cấp tỉnh (provincial library)

Thư viện công cộng (3.2.5) phục vụ cộng đồng trên địa bàn một tỉnh hoặc một đơn vị hành chính tương đương (thành phố trực thuộc trung ương)

3.2.5.2

Thư viện cấp huyện (district library)

Thư viện công cộng (3.2.5) phục vụ cộng đồng trên địa bàn một huyện hoặc một đơn vị hành chính tương đương (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh)

3.2.5.3

Thư viện cấp xã (commune library)

Thư viện công cộng (3.2.5) phục vụ cộng đồng trên địa bàn một xã hoặc một đơn vị hành chính tương đương (phường, thị trấn)

3.2.5.4

Thư viện trung tâm (central library)

Thư viện (3.1.1) cung cấp các dịch vụ theo quy định tới các thư viện khác trong một khu vực hoặc tổ chức

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.07]

3.2.5.5

Thư viện di động (mobile library)

Thư viện (3.1.1), hay một bộ phận của **thư viện công cộng (3.2.5)**, sử dụng xe được trang bị đặc biệt và dùng để cung cấp tài liệu trực tiếp cho người sử dụng

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.16]

3.2.5.6

Thư viện lưu động (travelling library)

Sưu tập được lưu giữ tạm thời tại điểm dịch vụ, từ đó nó được gửi tới nơi khác theo chương trình được xác định trước

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.17]

3.2.6

Thư viện đa ngành (multidisciplinary library)

Thư viện (3.1.1) có vốn tài liệu liên quan tới nhiều ngành, lĩnh vực tri thức

3.2.6.1

Thư viện đại học (academic library)

Thư viện (3.1.1) được thành lập và quản lý bởi các cơ quan giáo dục và nghiên cứu đại học

CHÚ THÍCH: Cùng một định nghĩa cơ bản áp dụng cho các thuật ngữ sử dụng các tên các cơ quan giáo dục đại học như: "thư viện cao đẳng", "thư viện khoa"

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.19]

3.2.6.2

Thư viện trường học (school library)

Thư viện (3.1.1) được thành lập trong phạm vi trường phổ thông, và chủ yếu phục vụ, hỗ trợ việc học tập và giảng dạy của nhà trường

3.2.6.3

Trung tâm học liệu (learning resource centre)

Bộ phận của cơ sở giáo dục có sưu tập bao gồm chủ yếu là các học liệu truyền thống và đa phương

TCVN 10274:2013

tiện, được tổ chức để sinh viên, giáo viên và nhân viên sử dụng

3.2.7

Thư viện chuyên ngành (special library)

Kho thư viện (3.3.1.3) hay thư viện (3.1.1) bao quát một ngành lĩnh vực hoặc chủ đề cụ thể hoặc sự đáp ứng nhu cầu của nhóm người sử dụng cụ thể

CHÚ THÍCH: Cùng một định nghĩa cơ bản áp dụng cho các thuật ngữ sử dụng các tên khác của các loại hình thư viện, ví dụ: "thư viện y học", hay "thư viện thiếu nhi"

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.04]

3.2.7.1

Thư viện nghiên cứu (research library)

Kho thư viện (3.3.1.3) hay thư viện (3.1.1) cho phép nghiên cứu triệt để về một lĩnh vực chủ đề cụ thể

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.06]

3.2.7.2

Thư viện bản quyền (copyright library)

Thư viện lưu chiếu ở một đất nước, mà trong đó bản quyền phụ thuộc hay đã phụ thuộc vào luật lưu chiếu chính thức trong một thư viện được chỉ định

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.03]

3.2.7.3

Thư viện chuyên biệt (specialized library)

Thư viện (3.1.1) có vốn tài liệu bao quát tổng hợp hoặc chuyên ngành hay loại hình tài liệu đặc thù hoặc chỉ phục vụ, đáp ứng nhu cầu đọc của một nhóm người sử dụng đặc biệt

CHÚ THÍCH: xem thêm **Thư viện người khuyết tật (3.2.8.4)**

3.2.7.4

Thư viện dành cho người khuyết tật (library for disabled person)

Thư viện (3.1.1) có vốn tài liệu và trang thiết bị chuyên biệt, điều kiện vật chất - kỹ thuật phù hợp để phục vụ chủ yếu cho người tàn tật

3.2.7.5

Thư viện doanh nghiệp (enterprise library)

Thư viện (3.1.1) hoặc chi nhánh phục vụ tài liệu, thông tin chuyên biệt phục vụ doanh nghiệp

3.2.7.6

Thư viện hành chính (administrative library)

Kho thư viện (3.3.1.3) hoặc thư viện (3.1.1) được thành lập trong phạm vi cơ quan chính phủ và chủ yếu được sử dụng bởi các nhân viên

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.20]

3.2.7.7

Thư viện thiếu nhi (children's library)

Thư viện (3.1.1) tập hợp các tài liệu về thiếu nhi hoặc đối tượng phục vụ là thiếu nhi hay người sử dụng chủ yếu là thiếu nhi

3.2.7.8

Thư viện nghệ thuật (art library)

Sưu tập tác phẩm nghệ thuật nguyên bản, phiên bản và các tài liệu liên quan

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.22]

3.2.7.9

Thư viện sách quý hiếm (rare book library)

Sưu tập sách quý hiếm (rare book collection)

Kho thư viện (3.3.1.3) hoặc sưu tập đặc biệt bao gồm chủ yếu là các cuốn sách lâu năm hoặc khan hiếm

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.21]

3.2.7.10

Thư viện tàng trữ (deposit library)

Thư viện (3.1.1) được pháp luật chỉ định thực hiện chức năng lưu giữ lâu dài toàn bộ hay chỉ một phần, một dạng tài liệu được xuất bản hoặc các tài liệu ít sử dụng từ các thư viện khác gửi tới

3.2.7.11

Thư viện tra cứu (reference library)

Kho thư viện (3.2.1.3) chỉ cho sử dụng trong tòa nhà của **thư viện (3.1.1)**

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 3.2.11]

3.3 Các nguồn lực thư viện

3.3.1

Nguồn lực thư viện (library resources)

Tiềm năng mà thư viện có để thực hiện các chức năng của mình, gồm mạng lưới, vốn tài liệu, bộ máy tra cứu tin, nhân sự, cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh phí

3.3.1.1

Tòa nhà thư viện (library building)

Công trình xây dựng được thiết kế và trang bị chuyên biệt hoặc không chuyên biệt dành để tổ chức hoạt động thư viện

3.3.1.2

Trang thiết bị thư viện (library equipments)

Phương tiện vật chất - kỹ thuật được trang bị để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của thư viện

3.3.1.3

Kho thư viện (library)

Sưu tập các tài liệu (3.1.30) có tổ chức được chọn lọc và sở hữu để một nhóm dân mục tiêu đã được xác định trước sử dụng

[TCVN 5453 : 2009, định nghĩa 3.1.03]

TCVN 10274:2013

CHÚ THÍCH: Các bộ sưu tập tài liệu có tổ chức được lưu giữ trong tòa nhà thư viện và thường xuyên tổ chức phục vụ cộng đồng

3.3.1.4

Tài liệu thư viện (library document)

Tài liệu (3.1.30) được thư viện thu thập phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ và được xử lý, tổ chức, bảo quản theo quy trình, quy tắc của nghiệp vụ thư viện và được đưa ra phục vụ người dùng theo quy định của pháp luật và của thư viện

3.3.1.4.1

Tài liệu chính phủ (government document)

Các xuất bản phẩm (bao gồm các bộ luật, luật, nghị định, quyết định, thông tư, chỉ thị, hướng dẫn, báo cáo tổng kết) thường không có bản quyền do các cơ quan chính phủ ở trung ương và địa phương xuất bản và phổ biến

3.3.1.4.2

Tài liệu số (digital document)

Tài liệu (3.1.30) được ghi lại bằng kỹ thuật số, lưu giữ trên các vật mang tin chuyên biệt và chỉ có thể truy cập thông qua máy tính hoặc thiết bị tương tự

3.3.1.4.3

Tài liệu nghe nhìn (audio-visual document)

Tác phẩm mang tính trí tuệ được xuất bản dưới dạng viết, in hay điện tử, thường được đánh số trang và hình thành nên một đơn vị vật lý

[TCVN 5453 : 2009, định nghĩa 2.1.19]

3.3.1.4.4

Tài liệu quý hiếm (rare document)

Tài liệu (3.1.30) thường là lâu năm hoặc khan hiếm, khó có thể tìm được do chỉ có một số ít bản

CHÚ THÍCH: Trong thư viện, tài liệu quý hiếm được xếp trong bộ sưu tập đặc biệt, lưu giữ ở nơi an toàn và hạn chế sử dụng

3.3.1.4.5

Tài liệu địa chí (local studies document)

Tài liệu (3.1.30) ghi chép, nghiên cứu về lịch sử, địa lý, kinh tế, văn hoá, phong tục tập quán, nhân vật, sản vật v.v... của một địa phương

3.3.1.4.6

Tài liệu địa phương (local publication)

Tài liệu (3.1.30) do nhà xuất bản địa phương xuất bản trên địa bàn, không phụ thuộc vào nội dung, nguồn gốc tác giả, ngôn ngữ v.v...

3.3.1.4.7

Tài liệu nội sinh (endogenous document)

Tài liệu (3.1.30) được tạo lập và công bố chỉ bên trong một tổ chức với quyền truy cập do tổ chức đó quy định

3.3.1.4.8**Tài liệu xám (grey literature)**

Tài liệu (3.1.30) dưới dạng in hoặc điện tử chứa thông tin là kết quả của hoạt động khoa học và công nghệ không thể bổ sung qua các nguồn bổ sung thông thường

CHÚ THÍCH: Xem thêm tài liệu nội sinh (3.3.1.4.7)

3.3.1.4.9**Ấn bản thư viện (library edition)**

Ấn bản được xuất bản dành riêng cho các thư viện lưu giữ, có độ chắc và bền hơn so với ấn bản thường

3.3.1.4.10**Sách (book)**

Tác phẩm mang tính trí tuệ được xuất bản dưới dạng viết, in hay điện tử, thường được đánh số trang và hình thành nên một đơn vị vật lý

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 2.1.12]

3.3.1.4.11**Sách nói (audiobook)**

Sách ghi âm nội dung thông tin trên băng hoặc đĩa từ và phát lại bằng cách đọc

3.3.1.4.12**Xuất bản phẩm (publication)**

Tài liệu (3.1.30) để phát hành rộng rãi và thường được in thành nhiều bản

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 2.1.11]

3.3.1.4.13**Xuất bản phẩm chính thức (official publication)**

Tài liệu (3.1.30) được xuất bản bởi cơ quan chính quyền hoặc tổ chức liên chính phủ dưới tên hợp pháp của cơ quan hoặc tổ chức đó

3.3.1.4.14**Xuất bản phẩm định kỳ (periodical)**

Tài liệu nhiều kỳ (3.3.1.4.15) thường được đặc trưng bởi sự đa dạng về nội dung và các cộng tác viên, trong bản thân xuất bản phẩm (3.3.1.4.12) hoặc từ một số này đến số khác

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 2.4.07]

CHÚ THÍCH: Xuất bản phẩm nhiều kỳ, mỗi kỳ được công bố theo một khoảng thời gian cố định

3.3.1.4.15**Tài liệu nhiều kỳ (serial)****Xuất bản phẩm nhiều kỳ (serial publication)**

Xuất bản phẩm (3.3.1.4.12) dưới dạng in hoặc không in, được phát hành thành những phần kế tiếp, thường có ký hiệu số hoặc theo thứ tự thời gian và có xu hướng dự định tiếp tục vô thời hạn bất kể định kỳ như thế nào

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 2.4.06]

CHÚ THÍCH: Xuất bản phẩm dạng bất kỳ được công bố dưới cùng nhan đề thành các phần riêng biệt, thường được đánh

TCVN 10274:2013

số, theo một khoảng thời gian cố định hoặc không cố định và không có thời gian chấm dứt định trước

3.3.1.4.16

Tùng thư (series)

Tài liệu nhiều kỳ (3.3.1.4.15) bao gồm một nhóm tập sách được đánh số hoặc không, mỗi tập có nhan đề riêng, được gộp lại dưới một nhan đề chung và ấn hành trong một thời gian bất định

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 2.4.08]

CHÚ THÍCH: Nhóm các tác phẩm được xuất bản riêng biệt có quan hệ với nhau theo chủ đề hoặc hình thái được một nhà xuất bản công bố theo một cách trình bày thống nhất, có nhan đề riêng và nhan đề chung của cả nhóm

3.3.1.5

Vốn tài liệu thư viện (library holdings)

Tài liệu (3.1.30) được sưu tầm, tập hợp theo nhiều chủ đề, nội dung nhất định, được xử lý theo quy tắc, quy trình khoa học của nghiệp vụ thư viện

3.3.1.5.1

Bộ sưu tập (collection)

Tài liệu (3.1.30) được tập hợp với nhau thường dưới một nhan đề chung, các tác phẩm của một hay nhiều tác giả hoặc biên tập viên đối với một hay nhiều chủ đề

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 2.2.1.05]

3.3.1.5.2

Bộ sưu tập tổng hợp (general collection)

Bộ sưu tập của thư viện gồm các tài liệu/ thông tin về toàn bộ hay phần lớn môn ngành khoa học

3.3.1.5.3

Bộ sưu tập hạt nhân (core collection)

Bộ sưu tập bao gồm các tài liệu/ thông tin cơ bản cần thiết cho nhóm người dùng nhất định của một thư viện (3.1.1)

3.3.1.5.4

Bộ sưu tập địa chí (local collection)

Bộ sưu tập của thư viện bao gồm sách, bản in, bản đồ, ảnh và tài liệu khác liên quan tới một khu vực địa lý cụ thể và dân cư tại đó

3.3.1.5.5

Bộ sưu tập lai (hybrid collection)

Bộ sưu tập của thư viện bao gồm các tài liệu từ hai định dạng trở lên, thường bao gồm sách và ấn phẩm nhiều kỳ dưới dạng in và điện tử

3.3.1.5.6

Bộ sưu tập số (digital collection)

Bộ sưu tập của thư viện bao gồm các tài liệu dạng số hoặc chuyển thành dạng số để bảo quản và cung cấp truy cập điện tử cho người dùng

3.3.2**Người làm thư viện (librarian)**

Người được đào tạo nghiệp vụ thư viện và đảm trách công việc trong thư viện

CHÚ THÍCH: Tất cả các kiến thức đào tạo về thư viện phụ thuộc vào chương trình quốc gia

3.3.2.1**Chuyên gia thư viện (library expert)**

Người có tri thức uyên thâm hoặc kỹ năng điều luyện, thường được hỏi ý kiến tư vấn về nghiệp vụ thư viện, dựa trên các hoạt động nghiên cứu, hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp

3.3.2.2**Thư viện viên (junior librarian)**

Viên chức chuyên môn làm việc trong thư viện (3.1.1) được đào tạo nghiệp vụ từ bậc đại học trở lên

3.3.2.3**Thư viện viên chính (major librarian)**

Thư viện viên (3.3.2.2) đã qua kỳ thi nâng ngạch lên thư viện viên chính theo quy định của pháp luật

3.3.2.4**Thư viện viên cao cấp (senior librarian)**

Thư viện viên chính (3.3.2.3) đã qua kỳ thi nâng ngạch lên thư viện viên cao cấp theo quy định của pháp luật

CHÚ THÍCH: Thư viện viên cao cấp là ngạch viên chức chuyên môn cao nhất ngành thư viện

3.3.2.5**Thư viện viên trung cấp (intermediate librarian)**

Viên chức chuyên môn làm việc trong thư viện (3.1.1) được đào tạo nghiệp vụ hệ trung cấp

3.3.2.6**Thư mục viên (bibliographer)**

Người tạo lập thông tin thư mục và biên soạn các bản thư mục

3.4 Tổ chức lao động và hoạt động nghiệp vụ thư viện**3.4.1****Cơ khí hoá thư viện (mechanization of library)**

Sử dụng các máy móc, thiết bị và hệ thống dạng cơ khí vào các quá trình thư viện

3.4.2**Tự động hoá thư viện (library automation)**

Quá trình sử dụng máy tính, thiết bị ngoại vi và máy móc khác để tiến hành các quá trình thư viện một cách tự động

3.4.3**Tin học hoá thư viện (library computerization)**

Sự ứng dụng tin học và công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện

TCVN 10274:2013

3.4.4

Hệ quản trị thư viện (library management system - LMS)

Một bộ tích hợp trình ứng dụng được thiết kế để tiến hành các chức năng nghiệp vụ và kỹ thuật của thư viện tự động hoá

3.4.5

Công nghệ thư viện (library technology)

Tập hợp các quá trình và thao tác đảm bảo sự vận hành của thư viện. Công nghệ thư viện được chia thành chu trình thư viện

3.4.5.1

Chu trình kỹ thuật thư viện (technological cycle of library)

Tập hợp các quá trình và thao tác thư viện liên quan chặt chẽ với nhau theo một trật tự nhất định và thực hiện thường xuyên, lặp đi lặp lại trong khoảng thời gian xác định

3.4.5.2

Quy trình kỹ thuật thư viện (process of library technology)

Tập hợp các thao tác khác nhau nhằm thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong hoạt động thư viện

3.4.5.3

Thao tác thư viện (library operation)

Tổ hợp các hành động và thủ thuật nghiệp vụ được nhân viên thư viện thực hiện tại nơi làm việc

3.4.6

Định mức lao động thư viện (library labour norm)

Chuẩn mực quy định về chi phí lao động và thời gian nhằm thực hiện chu trình, thao tác thư viện trong những điều kiện tổ chức - kỹ thuật nhất định

3.4.6.1

Định mức phục vụ (service norm)

Số lượng bạn đọc, lượt đến thư viện... tính cho một nhân viên thư viện trong khoảng thời gian nhất định (ngày, tháng, năm làm việc)

3.4.6.2

Định mức sản phẩm (product norm)

Quy định khối lượng sản phẩm hay công việc cần phải được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định

CHÚ THÍCH: Số lượng tài liệu đã được xử lý hoặc số lượng bạn đọc đã được phục vụ...trong ca trực hay trong ngày làm việc

3.4.6.3

Định mức thời gian (time norm)

Đại lượng thời gian đã được quy định để nhân viên thư viện thực hiện hoàn chỉnh một quá trình, một thao tác nghiệp vụ

3.4.7

Chu trình của tài liệu (cycle of document)

Trật tự được xác lập của các quá trình và thao tác làm việc với tài liệu từ khi tài liệu nhập vào, đến khi lưu kho hoặc bị thanh lọc

3.4.7.1

Bổ sung (acquisition)

Các hoạt động nhằm lập, phát triển hoặc cập nhật vốn tư liệu của tổ chức thông tin và tư liệu

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 4.1.2.01]

3.4.7.2

Xử lý kỹ thuật (technical processing)

Tổ hợp các quy trình xử lý tài liệu trước khi tiến hành xử lý hình thức và nội dung, bao gồm các công việc đóng dấu, cập nhật vào sổ đăng ký cá biệt...

3.4.7.3

Kiểm soát thư mục (bibliographic control)

Quá trình tạo lập, tổ chức và quản lý các công cụ thư mục để có thể tìm kiếm tài liệu thư viện một cách dễ dàng

3.4.7.4

Kiểm soát thư mục toàn cầu (universal bibliographic control)

Sự chuẩn hoá các hình thức mô tả tài liệu và công cụ thư mục các tài liệu trên bình diện quốc tế

3.4.7.5

Biên mục (cataloguing)

Chuẩn bị và duy trì các mục lục

[TCVN 5453:2009; định nghĩa 4.2.1.1.03]

CHÚ THÍCH: Tổ hợp các quá trình mô tả thư mục, phân loại, định từ khoá, định tiêu đề chủ đề, ký hiệu xếp giá, tạo lập các mục lục nhằm tạo ra các điểm truy cập theo quy tắc thống nhất cho sách hoặc các dạng tài liệu khác

3.4.7.5.1

Mô tả thư mục (bibliographic description)

Mô tả đơn vị thư mục theo các quy tắc được thiết lập, dựa trên các dữ liệu sao lại từ các nguồn lấy thông tin cụ thể chủ yếu trong phạm vi của tài liệu

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 4.2.1.1.02]

3.4.7.5.2

Phân loại (classifying)

Gán cho tài liệu (3.1.30) các ký hiệu của lớp (môn loại) được lấy từ một hệ thống phân loại

[TCVN 5453: 2009, định nghĩa 4.2.2.4.02]

CHÚ THÍCH: Quá trình phân chia các đối tượng hoặc khái niệm vào các lớp, phân lớp, tiểu phân lớp dựa trên các đặc tính theo nghĩa thông thường và có thể phân biệt nhau

3.4.7.5.3

Định từ khoá (keyword indexing)

Quy trình, thao tác xác lập (các) từ khoá cho nội dung tài liệu thư viện thông qua các phương tiện của ngôn ngữ từ khoá

TCVN 10274:2013

3.4.7.5.4

Định tiêu đề chủ đề (subject indexing)

Quy trình, thao tác xác lập (các) tiêu đề chủ đề phù hợp với nội dung của tài liệu thông qua các công cụ của ngôn ngữ chủ đề

3.4.7.6

Định chỉ mục (indexing)

Thể hiện nội dung hoặc hình thức của một tài liệu bằng các từ, cụm từ hoặc hệ thống ký hiệu theo quy tắc của ngôn ngữ định chỉ mục

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 4.2.2.7.01]

3.4.7.7

Biểu ghi thư mục (bibliographic record)

Đơn vị của cơ sở dữ liệu thư mục, phản ánh những thông tin thư mục về một tài liệu cụ thể

3.4.7.8

Bộ máy tra cứu (reference tools)

Tập hợp các ấn phẩm tra cứu và thư mục, các mục lục và hộp phiếu thư viện, cơ sở dữ liệu thư mục dành cho việc tra tìm tài liệu, thông tin cần thiết của bạn đọc

3.4.7.9

Tìm tin (information retrieval)

Quá trình tìm lại các thông tin (3.1.28) cụ thể hoặc tri thức từ một nguồn lưu trữ

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 1.2.05]

3.4.8

Công tác bạn đọc (readers' services)

Những hoạt động nhằm nghiên cứu người sử dụng thư viện và đáp ứng nhu cầu đọc tài liệu và thông tin của họ

3.4.8.1

Xử lý phân tích và tổng hợp (analytic and synthetic processing)

Quá trình phân tích tài liệu để rút ra những thông tin cần thiết và tổng hợp lại ở dạng thức phù hợp với yêu cầu của người sử dụng

3.4.8.2

Chu trình của yêu cầu đọc (cycle of reading demand)

Trật tự luân chuyển yêu cầu đọc của người sử dụng thư viện đã được xác lập và các quá trình của thao tác làm việc tương ứng nhằm đáp ứng yêu cầu đó

3.4.8.3

Chính sách truy cập (access policy)

Tuyên bố chính thức của người quản lý thư viện về các điều kiện khi truy cập sử dụng các bộ sưu tập do thư viện quản lý

3.4.8.4**Người sử dụng thư viện (library user)**

Người sử dụng cơ sở hạ tầng, dịch vụ hay tài liệu do **thư viện (3.1.1)** cung cấp

CHÚ THÍCH: xem thêm **Người dùng tin** [TCVN 5453: 2009, định nghĩa 5.1.05]

3.4.8.5**Bạn đọc (reader)**

Cá nhân, tập thể sử dụng thư viện trên cơ sở đăng ký chính thức theo quy định của thư viện

3.4.8.6**Nhu cầu đọc (reading needs)**

Sự cần thiết của việc đọc được tạo nên bởi trình độ phát triển văn hoá, kinh tế - xã hội và nhu cầu của mỗi người dân, cũng như toàn xã hội

3.4.8.7**Nhu cầu tin (information needs)**

Nhu cầu của người sử dụng về những thông tin cần thiết cho công việc cụ thể của bản thân

3.4.8.8**Lưu thông tài liệu (circulation)**

Công tác cho mượn tài liệu hoặc sự quay vòng của **tài liệu (3.1.30)** theo tần suất nhu cầu đọc, tìm tin của người sử dụng

3.4.8.9**Mượn (loan)**

Chuyển giao vật lý **tài liệu (3.1.30)** từ nơi lưu trữ đến một địa điểm khác trong khoảng thời gian xác định

[TCVN 5453:2009, định nghĩa 5.4.03]

3.4.8.10**Tuyên truyền tài liệu (propaganda of documents)**

Tổ hợp các biện pháp và hình thức được thư viện tiến hành nhằm làm cho người dân hiểu về nội dung, ý nghĩa của một hay một số tác phẩm

3.4.8.11**Dịch vụ thư viện (library services)**

Hình thức phục vụ của **thư viện (3.1.1)** để đáp ứng nhu cầu cụ thể của người sử dụng thư viện

CHÚ THÍCH: Dịch vụ thư viện có thể bao gồm cho mượn tài liệu, chỉ dẫn, cung cấp thông tin về tài liệu, triển lãm tài liệu, tư vấn sử dụng nguồn lực thư viện

3.4.8.12**Chia sẻ nguồn lực (resource sharing)**

Những hình thức cùng tạo lập và sử dụng chung các nguồn lực (tài liệu, các dữ liệu thư mục, nhân sự, phương tiện lưu giữ, kinh phí ...) giữa các thư viện để cung cấp khả năng khai thác tài liệu, thông tin từ nhiều thư viện, đáp ứng nhu cầu bạn đọc

TCVN 10274:2013

3.4.9

Công tác địa chỉ (local information activities)

Hoạt động của **thư viện (3.1.1)** nhằm thu thập, xử lý, bảo quản và tổ chức khai thác tài liệu liên quan đến địa phương

3.4.10

Hoạt động thư mục (bibliographic activities)

Lĩnh vực hoạt động đáp ứng nhu cầu về thông tin thư mục của xã hội

3.4.11

Trung tâm thư mục (bibliographic centre)

Tổ chức thực hiện chức năng thu thập, xử lý, sản xuất và phổ biến thông tin thư mục

3.4.12

Chu trình của yêu cầu thư mục (cycle of bibliographic enquiry)

Trật tự được xác lập của các quá trình và thao tác làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu trả lời thư mục của người sử dụng thư viện

3.4.13

Sản phẩm thư mục (bibliographic product)

Vật mang tin được tạo ra chứa đựng các thông tin thư mục

3.4.14

Thông tin thư mục (bibliographic information)

Thông tin về tài liệu được tạo lập và sử dụng trong xã hội nhằm thông báo, giới thiệu và tuyên truyền về tài liệu

3.4.15

Thư mục (bibliography)

Hệ thống tìm tin thư mục cho phép truy cập tới dữ liệu mà mô tả và nhận dạng duy nhất các tài liệu

CHÚ THÍCH:

1 Xem **thư mục học (3.1.26)**

2 Các thư mục đôi khi cũng chứa mô tả nội dung tài liệu

[TCVN 5453 : 2009, định nghĩa 4.3.2.1.07]

3.4.16

Thư mục quốc gia (national bibliography)

Danh mục thống kê về những xuất bản phẩm và tài liệu mới xuất bản của quốc gia trong một thời gian nhất định

3.4.17

Phục vụ thư mục (bibliographic service)

Việc cung cấp các thông tin thư mục cho người sử dụng **thư viện (3.1.1)**

3.4.18

Marketing sản phẩm và dịch vụ thư viện (marketing of library products and services)

Hoạt động liên quan đến phân tích nhu cầu người sử dụng, thiết kế, định giá, khuyến thị, quảng bá,

tiếp thị và phân phối các sản phẩm, dịch vụ của **thư viện (3.1.1)**

3.4.19

Bảo quản (preservation)

Tất cả các biện pháp, bao gồm cả quyết định tài chính và chiến lược, để duy trì tính toàn vẹn và kéo dài tuổi thọ của **tài liệu (3.1.30)** hoặc các sưu tập

[TCVN 5453 : 2009, định nghĩa 6.1.01]

3.4.20

Hướng dẫn nghiệp vụ thư viện (guide in methods of library)

Sự chỉ dẫn về phương pháp luận và cách thức thực hành nghiệp vụ chuyên môn, đảm bảo sự thống nhất trong hoạt động thư viện

Mục lục tra cứu thuật ngữ tiếng Việt

Số TT	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tiếng Nga	Điều
001	Ấn bản thư viện	Library edition	Библиотечное издание	3.3.1.4.9
002	Bản lưu chiếu	Deposit	Обязательный экземпляр	3.1.14
003	Bản quyền	Copyright	Авторское право	3.1.12
004	Bạn đọc	Reader	Читатель	3.4.8.5
005	Bảo quản	Preservation	Сохранение	3.4.19
006	Biên mục	Cataloguing	Каталогизация	3.4.7.5
007	Biểu ghi thư mục	Bibliographic record	Библиографическая запись	3.4.7.7
008	Bổ sung	Acquisition	Комплектование	3.4.7.1
009	Bộ máy tra cứu	Reference tools	Справочный аппарат	3.4.7.8
010	Bộ sưu tập	Collection	Библиотечная коллекция	3.3.1.5.1
011	Bộ sưu tập địa chỉ	Local collection	Краеведческая коллекция	3.3.1.5.4
012	Bộ sưu tập hạt nhân	Core collection	Ядро фонда	3.3.1.5.3
013	Bộ sưu tập lai	Hybrid collection	Гибридная коллекция	3.3.1.5.5
014	Bộ sưu tập số	Digital collection	Цифровая коллекция	3.3.1.5.6
015	Bộ sưu tập tổng hợp	General collection	Генеральная коллекция	3.3.1.5.2
016	Chia sẻ nguồn lực	Resource sharing	Разделение ресурсов	3.4.8.12
017	Chính sách truy cập	Access policy	Политика доступа	3.4.8.3
018	Chu trình của tài liệu	Cycle of document	Путь документа	3.4.7
019	Chu trình của yêu cầu đọc	Cycle of reading demand	Путь читательного требования	3.4.8.2
020	Chu trình của yêu cầu thư mục	Cycle of Bibliographic enquiry	Путь библиографической справки	3.4.12
021	Chu trình kỹ thuật thư viện	Technological cycle of library	Библиотечно-технологический цикл	3.4.5.1
022	Chuyên gia thư viện	Library expert	Библиотечный эксперт	3.3.2.1

023	Công nghệ thư viện	Library technology	Библиотечная технология	3.4.5
024	Công tác bạn đọc	Readers' services	Работа с читателями	3.4.8
025	Công tác địa chỉ	Local information activities	Краеведческая работа	3.4.9
026	Cơ khí hoá thư viện	Mechanization of library	Механизация библиотеки	3.4.1
027	Cơ sở dữ liệu	Database	База данных	3.1.32
028	Dịch vụ thư viện	Library services	Библиотечные услуги	3.4.8.11
029	Đào tạo nghề thư viện	Professional library education	Библиотечно-профессиональное образование	3.1.20
030	Đạo đức nghề thư viện	Code of ethics in librarianship	Библиотечная этика	3.1.21
031	Định chỉ mục	Indexing	Индексирование	3.4.7.6
032	Định mức lao động thư viện	Library labour norm	Норм библиотечного труда	3.4.6
033	Định mức phục vụ	Service norm	Норм обслуживания	3.4.6.1
034	Định mức sản phẩm	Product norm	Норм выработки	3.4.6.2
035	Định mức thời gian	Time norm	Норм времени	3.4.6.3
036	Định tiêu đề chủ đề	Subject indexing	Предметизация	3.4.7.5.4
037	Định từ khoá	Keyword indexing	Индексирование с ключевыми словами	3.4.7.5.3
038	Đọc	Reading	Чтение	3.1.34
039	Hệ quản trị thư viện	Library management system (LMS)	Автоматизированная библиотечная информационная система	3.4.4
040	Hệ thống thư viện	Library system	Библиотечная система	3.1.9
041	Hiệu quả hoạt động thư viện	Effectiveness of library activities	Эффективность работы библиотеки	3.1.4
042	Hoạt động thư mục	Bibliographic activities	Библиографическая деятельность	3.4.10
043	Hoạt động thư viện	Library activities	Библиотечная деятельность	3.1.3
044	Hội đồng thư viện	Library council	Библиотечный совет	3.1.22
045	Hội thư viện	Library association	Библиотечная ассоциация	3.1.23

046	Hợp tác thư viện	Co-operation in Library activities	Кооперирование в библиотечном деле	3.1.25
047	Hướng dẫn nghiệp vụ thư viện	Guide in methods of library	Научно-методическая работа библиотек	3.4.20
048	Kho tài liệu	Document warehouse	Хранилище документов	3.1.31
049	Kho thư viện	Library	Библиотечная репозитория	3.3.1.3
050	Khoa học thông tin	Information science	Информатика	3.1.27
051	Khoa học thư viện	Library science	Библиотекведение	3.1.2
052	Kiểm soát thư mục	Bibliographic control	Библиографический контроль	3.4.7.3
053	Kiểm soát thư mục toàn cầu	Universal bibliographic control	Универсальный библиографический контроль	3.4.7.4
054	Kinh tế thư viện	Library economics	Экономика библиотечного дела	3.1.19
055	Liên hiệp thư viện	Library consortium	Библиотечный консорциум	3.1.24
056	Loại hình thư viện	Type of library	Тип библиотеки	3.2.1
057	Luật pháp thư viện	Library legislation	Библиотечное законодательство	3.1.11
058	Lưu chiếu	Legal deposit	Представление обязательного экземпляра	3.1.13
059	Lưu thông tài liệu	Circulation	Книговыдача	3.4.8.8
060	Mạng lưới thư viện	Library network	Библиотечная сеть	3.1.10
061	Marketing sản phẩm và dịch vụ thư viện	Marketing of library products and services	Маркетинг библиотечных продуктов и услуг	3.4.18
062	Mô tả thư mục	Bibliographic description	Библиографическое описание	3.4.7.5.1
063	Mượn	Loan	Абонемент	3.4.8.9
064	Ngân hàng dữ liệu	Data bank	Банк данных	3.1.33
065	Nghề thư viện	Library profession	Библиотечная профессия	3.1.6
066	Nguồn lực thư viện	Library resources	Библиотечные ресурсы	3.3.1
067	Người làm thư viện	Librarian	Библиотекарь	3.3.2
068	Người sử dụng thư viện	Library user	Пользователь библиотек	3.4.8.4

069	Nhu cầu đọc	Reading needs	Читательская потребность	3.4.8.6
070	Nhu cầu tin	Information needs	Информационная потребность	3.4.8.7
071	Phân định loại hình thư viện	Determining types of libraries	Типология библиотек	3.2.2
072	Phân loại	Classifying	Классификация	3.4.7.5.2
073	Phục vụ thư mục	Bibliographic service	Библиографическое обслуживание	3.4.17
074	Quản lý nhà nước về thư viện	State management on activities	Государственное управление библиотечным делом	3.1.7
075	Quản lý thư viện	Library management	Управление библиотекой	3.1.16
076	Quy trình kỹ thuật thư viện	Process of library technology	Процесс библиотечной технологии	3.4.5.2
077	Quyền số	Digital right	Цифровое право	3.1.15
078	Sách	Book	Книга	3.3.1.4.10
079	Sách nói	Audiobook	Аудиокнига	3.3.1.4.11
080	Sản phẩm thư mục	Bibliographic product	Библиографический продукт	3.4.13
081	Tài liệu	Document	Документ	3.1.30
082	Tài liệu chính phủ	Government document	Правительственное издание	3.3.1.4.2
083	Tài liệu địa chí	Local studies document	Краеведческий документ	3.3.1.4.5
084	Tài liệu địa phương	Local publication	Местное издание	3.3.1.4.6
085	Tài liệu nghe nhìn	Audio-visual document	Аудио-визуальный документ	3.3.1.4.3
086	Tài liệu nhiều kỳ	Serial	Сериал	3.3.1.4.15
087	Tài liệu nội sinh	endogenous document	Эндогенный документ	3.3.1.4.7
088	Tài liệu quý hiếm	Rare document	Редкий документ	3.3.1.4.4
089	Tài liệu số	Digital document	Цифровой документ	3.3.1.4.1
090	Tài liệu thư viện	Library document	Библиотечный документ	3.3.1.4
091	Tài liệu xám	Grey literature	Серая литература	3.3.1.4.8
092	Tập trung hoá thư viện	Library centralization	Библиотечная Централизация	3.1.8

093	Thao tác thư viện.	Library operation	Библиотечная операция	3.4.5.3
094	Thông tin	Information	Информация	3.1.28
095	Thông tin thư mục	Bibliographic information	Библиографическая информация	3.4.14
096	Thống kê thư viện	Library statistics	Библиотечная статистика	3.1.17
097	Thư mục	Bibliography	Библиография	3.4.15
098	Thư mục học	Bibliography	Библиографоведение	3.1.26
099	Thư mục quốc gia	National bibliography	Национальная библиография	3.4.16
100	Thư mục viên	Bibliographer	Библиограф	3.3.2.6
101	Thư viện	Library	Библиотека	3.1.1
102	Thư viện bản quyền	Copyright library	Авторская библиотека	3.2.7.2
103	Thư viện cấp huyện	District library	Районная библиотека	3.2.5.2
104	Thư viện cấp tỉnh	Provincial library	Областная библиотека	3.2.5.1
105	Thư viện cấp xã	Commune library	Сельская библиотека	3.2.5.3
106	Thư viện chuyên biệt	Specialized library	Специализированная библиотека	3.2.7.3
107	Thư viện chuyên ngành	Special library	Специальная библиотека	3.2.7
108	Thư viện công cộng	Public library	Публичная библиотека	3.2.5
109	Thư viện công lập	Library based on state budget	Библиотека на основе государственного бюджета	3.2.2.1
110	Thư viện dành cho người khuyết tật	Library for disabled person	Библиотека для инвалидов	3.2.7.4
111	Thư viện di động	Mobile library	Мобильная библиотека	3.2.5.5
112	Thư viện doanh nghiệp	Enterprise library	Бизнес-библиотека	3.2.7.5
113	Thư viện đa ngành	Multidisciplinary library	Многоотраслевая библиотека	3.2.6
114	Thư viện đa phương tiện	Multimedia library	Мультимедийная библиотека	3.2.3.2

115	Thư viện đại học	Academic library	Библиотека высшего заведения	3.2.6.1
116	Thư viện hành chính	Administrative library	Административная библиотека	3.2.7.6
117	Thư viện lai	Hybrid library	Гибридная библиотека	3.2.3.1
118	Thư viện lưu động	Travelling library	Библиотека передвижка	3.2.5.6
119	Thư viện nghệ thuật	Art library	Библиотека искусства	3.2.7.8
120	Thư viện nghiên cứu	Research library	Научная Библиотека	3.2.7.1
121	Thư viện quốc gia	National library	Национальная библиотека	3.2.4
122	Thư viện sách quý hiếm	Rare book library	Библиотека редких книг	3.2.7.9
123	Thư viện số	Digital library	Цифровая библиотека	3.2.3.3
124	Thư viện tàng trữ	Deposit library	Библиотека Депозитарий	3.2.7.10
125	Thư viện thiếu nhi	Children's library	Детская библиотека	3.2.7.7
126	Thư viện tổng hợp	General library	Универсальная библиотека	3.2.3
127	Thư viện tra cứu	Reference library	Справочная библиотека	3.2.7.11
128	Thư viện trung tâm	Central library	Центральная библиотека	3.2.5.4
129	Thư viện trường học	School library	Школьная библиотека	3.2.6.2
130	Thư viện tư nhân	Private library	Приватная библиотека	3.2.2.2
131	Thư viện viên	Junior librarian	Библиотекарь 3-го ранга	3.3.2.2
132	Thư viện viên cao cấp	Senior librarian	Библиотекарь 1-го ранга	3.3.2.4
133	Thư viện viên chính	Major librarian	Библиотекарь 2-го ранга	3.3.2.3
134	Thư viện viên trung cấp	Intermediate librarian	Библиотекарь среднего образования	3.3.2.5
135	Tìm tin	Information retrieval	Информационный поиск	3.4.7.9

136	Tin học hoá thư viện	Library computerization	Компьютеризация библиотечной деятельности	3.4.3
137	Tính phổ cập của thư viện	Accessibility of library	Общедоступность библиотек	3.1.5
138	Tòa nhà thư viện	Library building	Библиотечное здание	3.3.1.1
139	Tổ chức lao động thư viện	Organization of labour in library	Организация библиотечного труда	3.1.18
140	Trang thiết bị thư viện	Library equipments	Библиотечное оборудование	3.3.1.2
141	Trung tâm học liệu	Learning resource centre	Центр учебных материалов	3.2.6.3
142	Trung tâm thư mục	Bibliographic centre	Библиографический центр	3.4.11
143	Tùng thư	Series	Серия	3.3.1.4.16
144	Tuyên truyền tài liệu	Propaganda of documents	Пропаганда документов	3.4.8.10
145	Tự động hoá thư viện	Library automation	Библиотечная автоматизация	3.4.2
146	Vật mang tin	Carrier	Носитель информации	3.1.29
147	Vốn tài liệu thư viện	Library holdings	Библиотечный фонд	3.3.1.5
148	Xuất bản phẩm	Publication	Публикация	3.3.1.4.12
149	Xuất bản phẩm chính thức	Official publication	Официальная публикация	3.3.1.4.13
150	Xuất bản phẩm định kỳ	Periodical	Периодическая публикация	3.3.1.4.14
151	Xử lý kỹ thuật	Technical processing	Техническая обработка	3.4.7.2
152	Xử lý phân tích và tổng hợp	Analytic and Synthetic processing	Аналитико-синтетическая переработка	3.4.8.1

Mục lục tra cứu thuật ngữ tiếng Anh

Số TT	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tiếng Nga	Điều
001	Academic library	Thư viện đại học	Библиотека высшего заведения	3.2.6.1
002	Access policy	Chính sách truy cập	Политика доступа	3.4.8.3
003	Accessibility of library	Tính phổ cập của thư viện	Общедоступность библиотек	3.1.5
004	Acquisition	Bổ sung	Комплектование	3.4.7.1
005	Administrative library	Thư viện hành chính	Административная библиотека	3.2.7.6
006	Analytic and Synthetic processing	Xử lý phân tích và tổng hợp tài liệu	Аналитико-синтетическая переработка	3.4.8.1
007	Art library	Thư viện nghệ thuật	Библиотека искусства	3.2.7.8
008	Audiobook	Sách nói	Аудиокнига	3.3.1.4.9
009	Audio-visual document	Tài liệu nghe-nhìn	Аудио-визуальный документ	3.3.1.4.3
010	Bibliographer	Thư mục viên	Библиограф	3.3.2.6
011	Bibliographic activities	Hoạt động thư mục	Библиографическая деятельность	3.4.10
012	Bibliographic centre	Trung tâm thư mục	Библиографический центр	3.4.11
013	Bibliographic control	Kiểm soát thư mục	Библиографический контроль	3.4.7.3
014	Bibliographic description	Mô tả thư mục	Библиографическое описание	3.4.7.5.1
015	Bibliographic information	Thông tin thư mục	Библиографическая информация	3.4.14
016	Bibliographic product	Sản phẩm thư mục	Библиографический продукт	3.4.13
017	Bibliographic record	Biểu ghi thư mục	Библиографическая запись	3.4.7.7
018	Bibliographic service	Phục vụ thư mục	Библиографическое обслуживание	3.4.17
019	Bibliography	Thư mục học	Библиографоведение	3.1.26
020	Bibliography	Thư mục	Библиография	3.4.15
021	Book	Sách	Книга	3.3.1.4.10
022	Carrier	Vật mang tin	Носитель информации	3.1.29
023	Cataloguing	Biên mục	Каталогизация	3.4.7.5
024	Central library	Thư viện trung tâm	Центральная библиотека	3.2.5.4

025	Children's library	Thư viện thiếu nhi	Детская библиотека	3.2.7.7
026	Circulation	Lưu thông tài liệu	Книговыдача	3.4.8.8
027	Classifying	Phân loại	Классификация	3.4.7.5.2
028	Code of ethics in librarianship	Đạo đức nghề thư viện	Библиотечная этика	3.1.21
029	Collection	Bộ sưu tập	Библиотечная коллекция	3.3.1.5.1
030	Commune library	Thư viện cấp xã	Сельская библиотека	3.2.5.3
031	Co-operation in Library activities	Hợp tác thư viện	Кооперирование в библиотечном деле	3.1.25
032	Copyright	Bản quyền	Авторское право	3.1.12
033	Copyright library	Thư viện bản quyền	Авторская библиотека	3.2.7.2
034	Core collection	Bộ sưu tập hạt nhân	Ядро фонда	3.3.1.5.3
035	Cycle of Bibliographic enquiry	Chu trình của yêu cầu thư mục	Путь библиографической справки	3.4.12
036	Cycle of document	Chu trình của tài liệu	Путь документа	3.4.7
037	Cycle of reading demand	Chu trình của yêu cầu đọc	Путь читательного требования	3.4.8.2
038	Data bank	Ngân hàng dữ liệu	Банк данных	3.1.33
039	Database	Cơ sở dữ liệu	База данных	3.1.32
040	Deposit	Bản lưu chiếu	Обязательный экземпляр	3.1.14
041	Deposit library	Thư viện tàng trữ	Библиотека Депозитарий	3.2.7.10
042	Determining types of libraries	Phân định loại hình thư viện	Типология библиотек	3.2.2
043	Digital collection	Bộ sưu tập số	Цифровая коллекция	3.3.1.5.6
044	Digital document	Tài liệu số	цифровой документ	3.3.1.4.1
045	Digital library	Thư viện số	Цифровая библиотека	3.2.3.3
046	Digital right	Quyền số	Цифровое право	3.1.15
047	District library	Thư viện cấp huyện	Районная библиотека	3.2.5.2
048	Document	Tài liệu	Документ	3.1.30
049	Document warehouse	Kho tài liệu	Хранилище документов	3.1.31
050	Effectiveness of library activities	Hiệu quả hoạt động thư viện	Эффективность работы библиотеки	3.1.4
051	Endogenous document	Tài liệu nội sinh	Эндогенный документ	3.3.1.4.7
052	Enterprise library	Thư viện doanh nghiệp	Бизнес-библиотека	3.2.7.5
053	General collection	Bộ sưu tập tổng hợp	Генеральная коллекция	3.3.1.5.2
054	General library	Thư viện tổng hợp	Универсальная библиотека	3.2.3

055	Government document	Tài liệu chính phủ	Правительственное издание	3.3.1.4.2
056	Grey literature	Tài liệu xám	Серая литература	3.3.1.4.8
057	Guide in methods of library	Hướng dẫn nghiệp vụ thư viện	Научно-методическая работа библиотек	3.4.20
058	Hybrid collection	Bộ sưu tập lai	Гибридная коллекция	3.3.1.5.5
059	Hybrid library	Thư viện lai	Гибридная библиотека	3.2.3.1
060	Indexing	Định chỉ mục	Индексирование	3.4.7.6
061	Information	Thông tin	Информация	3.1.28
062	Information needs	Nhu cầu tin	Информационная потребность	3.4.8.7
063	Information retrieval	Tìm tin	Информационный поиск	3.4.7.9
064	Information science	Khoa học thông tin	Информатика	3.1.27
065	Intermediate librarian	Thư viện viên trung cấp	Библиотекарь среднего образования	3.3.2.5
066	Junior librarian	Thư viện viên	Библиотекарь 3-го ранга	3.3.2.2
067	Keyword indexing	Định từ khoá	Индексирование с ключевыми словами	3.4.7.5.3
068	Learning resource centre	Trung tâm học liệu	Центр учебных материалов	3.2.6.3
069	Legal deposit	Lưu chiếu	Представление обязательного экземпляра	3.1.13
070	Librarian	Người làm thư viện	Библиотекарь	3.3.2
071	Library	Thư viện	Библиотека	3.1.1
072	Library	Kho thư viện	Библиотечная репозитория	3.3.1.3
073	Library activities	Hoạt động thư viện	Библиотечная деятельность	3.1.3
074	Library association	Hội thư viện	Библиотечная ассоциация	3.1.23
075	Library automation	Tự động hoá thư viện	Библиотечная автоматизация	3.4.2
076	Library based on state budget	Thư viện công lập	Библиотека на основе государственного бюджета	3.2.2.1
077	Library building	Toà nhà thư viện	Библиотечное здание	3.3.1.1
078	Library centralization	Tập trung hoá thư viện	Библиотечная централизация	3.1.8
079	Library computerization	Tin học hoá thư viện	Компьютеризация библиотечной деятельности	3.4.3

080	Library consortium	Liên hiệp thư viện	Библиотечный консорциум	3.1.24
081	Library council	Hội đồng thư viện	Библиотечный совет	3.1.22
082	Library document	Tài liệu thư viện	Библиотечный документ	3.3.1.4
083	Library economics	Kinh tế thư viện	Экономика библиотечного дела	3.1.19
084	Library edition	Ấn bản thư viện	Библиотечное издание	3.3.1.4.9
085	Library equipments	Trang thiết bị thư viện	Библиотечное оборудование	3.3.1.2
086	Library expert	Chuyên gia thư viện	Библиотечный эксперт	3.3.2.1
087	Library for disabled person	Thư viện dành cho người khuyết tật	Библиотека для инвалидов	3.2.7.4
088	Library holdings	Vốn tài liệu thư viện	Библиотечный фонд	3.3.1.5
089	Library labour norm	Định mức lao động thư viện	Норм библиотечного труда	3.4.6
090	Library legislation	Luật pháp thư viện	Библиотечное законодательство	3.1.11
091	Library management	Quản lý thư viện	Управление библиотекой	3.1.16
092	Library management system (LMS)	Hệ quản trị thư viện	Автоматизированная библиотечная информационная система	3.4.4
093	Library network	Mạng lưới thư viện	Библиотечная сеть	3.1.10
094	Library operation	Thao tác thư viện	Библиотечная операция	3.4.5.3
095	Library profession	Nghề thư viện	Библиотечная профессия	3.1.6
096	Library resources	Nguồn lực thư viện	Библиотечные ресурсы	3.3.1
097	Library science	Khoa học thư viện	Библиотековедение	3.1.2
098	Library services	Dịch vụ thư viện	Библиотечные услуги	3.4.8.11
099	Library statistics	Thống kê thư viện	Библиотечная статистика	3.1.17
100	Library system	Hệ thống thư viện	Библиотечная система	3.1.9
101	Library technology	Công nghệ thư viện	Библиотечная технология	3.4.5
102	Library user	Người sử dụng thư viện	Пользователь библиотек	3.4.8.4
103	Loan	Mượn	Абонемент	3.4.8.9
104	Local collection	Bộ sưu tập địa chí	Краеведческая коллекция	3.3.1.5.4
105	Local information activities	Công tác địa chí	Краеведческая работа	3.4.9
106	Local publication	Tài liệu địa phương	Местное издание	3.3.1.4.6

107	Local studies document	Tài liệu địa chí	Краеведческий документ	3.3.1.4.5
108	Major librarian	Thư viện viên chính	Библиотекарь 2-го ранга	3.3.2.3
109	Marketing of library products and services	Marketing sản phẩm và dịch vụ thư viện	Маркетинг библиотечных продуктов и услуг	3.4.18
110	Mechanization of library	Cơ khí hoá thư viện	Механизация библиотеки	3.4.1
111	Mobile library	Thư viện di động	Мобильная библиотека	3.2.5.5
112	Multidisciplinary library	Thư viện đa ngành	Многоотраслевая библиотека	3.2.6
113	Multimedia library	Thư viện đa phương tiện	Мультимедийная библиотека	3.2.3.2
114	National bibliography	Thư mục quốc gia	Национальная библиография	3.4.16
115	National library	Thư viện quốc gia	Национальная библиотека	3.2.4
116	Official publication	Xuất bản phẩm chính thức	Официальная публикация	3.3.1.4.1 3
117	Organization of labour in library	Tổ chức lao động thư viện	Организация библиотечного труда	3.1.18
118	Periodical	Xuất bản phẩm định kỳ	Периодическая публикация	3.3.1.4.1 4
119	Preservation	Bảo quản	Сохранение	3.4.19
120	Private library	Thư viện tư nhân	Приватная библиотека	3.2.2.2
121	Process of library technology	Quy trình kỹ thuật thư viện	Процесс библиотечной технологии	3.4.5.2
122	Product norm	Định mức sản phẩm	Норм выработки	3.4.6.2
123	Professional library education	Đào tạo nghề thư viện	Библиотечно-профессиональное образование	3.1.20
124	Propaganda of documents	Tuyên truyền tài liệu	Пропаганда документов	3.4.8.10
125	Provincial library	Thư viện cấp tỉnh	Областная библиотека	3.2.5.1
126	Public library	Thư viện công cộng	Публичная библиотека	3.2.5
127	Publication	Xuất bản phẩm	Публикация	3.3.1.4.1 2
128	Rare book library	Thư viện sách quý hiếm	Библиотека редких книг	3.2.7.9
129	Rare document	Tài liệu quý hiếm	Редкий документ	3.3.1.4.4
130	Reader	Bạn đọc	Читатель	3.4.8.5
131	Readers' services	Công tác bạn đọc	Работа с читателями	3.4.8
132	Reading	Đọc	Чтение	3.1.34

133	Reading needs	Nhu cầu đọc	Читательская потребность	3.4.8.6
134	Reference library	Thư viện tra cứu	Справочная библиотека	3.2.7.11
135	Reference tools	Bộ máy tra cứu	Справочный аппарат	3.4.7.8
136	Research library	Thư viện nghiên cứu	Научная Библиотека	3.2.7.1
137	Resource sharing	Chia sẻ nguồn lực	Разделение ресурсов	3.4.8.12
138	School library	Thư viện trường học	Школьная библиотека	3.2.6.2
139	Senior librarian	Thư viện viên cao cấp	Библиотекарь 1-го ранга	3.3.2.4
140	Serial	Tài liệu nhiều kỳ	Сериал	3.3.1.4.15
141	Series	Tùng thư	Серия	3.3.1.4.16
142	Service norm	Định mức phục vụ	Норм обслуживания	3.4.6.1
143	Special library	Thư viện chuyên ngành	Специальная библиотека	3.2.7
144	Specialized library	Thư viện chuyên biệt	Специализированная библиотека	3.2.7.3
145	State management on activities	Quản lý nhà nước về thư viện	Государственное управление библиотечным делом	3.1.7
146	Subject indexing	Định tiêu đề chủ đề	Предметизация	3.4.7.5.4
147	Technical processing	Xử lý kỹ thuật	Техническая обработка	3.4.7.2
148	Technological cycle of library	Chu trình kỹ thuật thư viện	Библиотечно-технологический цикл	3.4.5.1
149	Time norm	Định mức thời gian	Норм времени	3.4.6.3
150	Travelling library	Thư viện lưu động	Библиотека передвижка	3.2.5.6
151	Type of library	Loại hình thư viện	Тип библиотеки	3.2.1
152	Universal bibliographic control	Kiểm soát thư mục toàn cầu	Универсальный библиографический контроль	3.4.7.4

Mục lục tra cứu thuật ngữ tiếng Nga

Số TT	Tiếng Nga	Tiếng Việt	Tiếng Anh	Điều
001	Абонемент	Mượn	Loan	3.4.8.9
002	Автоматизированная библиотечная информационная система	Hệ quản trị thư viện	Library management system (LMS)	3.4.4
003	Авторская библиотека	Thư viện bản quyền	Copyright library	3.2.7.2
004	Авторское право	Bản quyền	Copyright	3.1.12
005	Административная библиотека	Thư viện hành chính	Administrative library	3.2.7.6
006	Аналитико-синтетическая переработка	Xử lý phân tích và tổng hợp tài liệu	Analytic and Synthetic processing	3.4.8.1
007	Аудио-визуальный документ	Tài liệu nghe-nhìn	Audio-visual document	3.3.1.4.3
008	Аудиокнига	Sách nói	Audiobook	3.3.1.4.11
009	База данных	Cơ sở dữ liệu	Database	3.1.32
010	Банк данных	Ngân hàng dữ liệu	Data bank	3.1.33
011	Библиограф	Thư mục viên	Bibliographer	3.3.2.6
012	Библиографическая деятельность	Hoạt động thư mục	Bibliographic activities	3.4.10
013	Библиографическая запись	Biểu ghi thư mục	Bibliographic record	3.4.7.7
014	Библиографическая информация	Thông tin thư mục	Bibliographic information	3.4.14
015	Библиографический контроль	Kiểm soát thư mục	Bibliographic control	3.4.7.3
016	Библиографический продукт	Sản phẩm thư mục	Bibliographic product	3.4.13
017	Библиографический центр	Trung tâm thư mục	Bibliographic centre	3.4.11
018	Библиографическое обслуживание	Phục vụ thư mục	Bibliographic service	3.4.17
019	Библиографическое описание	Mô tả thư mục	Bibliographic description	3.4.7.5.1
020	Библиография	Thư mục	Bibliography	3.4.15
021	Библиографоведение	Thư mục học	Bibliography	3.1.26
022	Библиотека	Thư viện	Library	3.1.1

023	Библиотека высшего заведения	Thư viện đại học	Academic library	3.2.6.1
024	Библиотека Депозитарий	Thư viện tàng trữ	Deposit library	3.2.7.10
025	Библиотека для инвалидов	Thư viện dành cho người khuyết tật	Library for disabled person	3.2.7.4
026	Библиотека искусства	Thư viện nghệ thuật	Art library	3.2.7.8
027	Библиотека на основе государственного бюджета	Thư viện công lập	Library based on state budget	3.2.2.1
028	Библиотека передвижка	Thư viện lưu động	Travelling library	3.2.5.6
029	Библиотека редких книг	Thư viện sách quý hiếm	Rare book library	3.2.7.9
030	Библиотекарь	Người làm thư viện	Librarian	3.3.2
031	Библиотекарь 1-го ранга	Thư viện viên cao cấp	Senior librarian	3.3.2.4
032	Библиотекарь 2-го ранга	Thư viện viên chính	Major librarian	3.3.2.3
033	Библиотекарь 3-его ранга	Thư viện viên	Junior librarian	3.3.2.2
034	Библиотекарь среднего образования	Thư viện viên trung cấp	Intermediate librarian	3.3.2.5
035	Библиотековедение	Khoa học thư viện	Library science	3.1.2
036	Библиотечная автоматизация	Tự động hoá thư viện	Library automation	3.4.2
037	Библиотечная ассоциация	Hội thư viện	Library association	3.1.23
038	Библиотечная деятельность	Hoạt động thư viện	Library activities	3.1.3
039	Библиотечная коллекция	Bộ sưu tập	Collection	3.3.1.5.1
040	Библиотечная операция	Thao tác thư viện	Library operation	3.4.5.3
041	Библиотечная профессия	Nghề thư viện	Library profession	3.1.6
042	Библиотечная репозитория	Kho thư viện	Library (2)	3.3.1.3
043	Библиотечная сеть	Mạng lưới thư viện	Library network	3.1.10
044	Библиотечная система	Hệ thống thư viện	Library system	3.1.9
045	Библиотечная статистика	Thống kê thư viện	Library statistics	3.1.17
046	Библиотечная технология	Công nghệ thư viện	Library technology	3.4.5

047	Библиотечная централизация	Tập trung hoá thư viện	Library centralization	3.1.8
048	Библиотечная этика	Đạo đức nghề thư viện	Code of ethics in librarianship	3.1.21
049	Библиотечно-профессиональное образование	Đào tạo nghề thư viện	Professional library education	3.1.20
050	Библиотечно-технологический цикл	Chu trình kỹ thuật thư viện	Technological cycle of library	3.4.5.1
051	Библиотечное законодательство	Luật pháp thư viện	Library legislation	3.1.11
052	Библиотечное здание	Toà nhà thư viện	Library building	3.3.1.1
053	Библиотечное издание	Ấn bản thư viện	Library edition	3.3.1.4.9
054	Библиотечное оборудование	Trang thiết bị thư viện	Library equipments	3.3.1.2
055	Библиотечные ресурсы	Nguồn lực thư viện	Library resources	3.3.1
056	Библиотечные услуги	Dịch vụ thư viện	Library services	3.4.8.11
057	Библиотечный документ	Tài liệu thư viện	Library document	3.3.1.4
058	Библиотечный консорциум	Liên hiệp thư viện	Library consortium	3.1.24
059	Библиотечный совет	Hội đồng thư viện	Library council	3.1.22
060	Библиотечный фонд	Vốn tài liệu thư viện	Library holdings	3.3.1.5
061	Библиотечный эксперт	Chuyên gia thư viện	Library expert	3.3.2.1
062	Бизнес-библиотека	Thư viện doanh nghiệp	Enterprise library	3.2.7.5
063	Генеральная коллекция	Bộ sưu tập tổng hợp	General collection	3.3.1.5.2
064	Гибридная библиотека	Thư viện lai	Hybrid library	3.2.3.1
065	Гибридная коллекция	Bộ sưu tập lai	Hybrid collection	3.3.1.5.5
066	Государственное управление библиотечным делом	Quản lý nhà nước về thư viện	State management on activities	3.1.7
067	Детская библиотека	Thư viện thiếu nhi	Children's library	3.2.7.7
068	Документ	Tài liệu	Document	3.1.30
069	Индексирование	Định chỉ mục	Indexing	3.4.7.6
070	Индексирование с ключевыми словами	Định từ khoá	Keyword indexing	3.4.7.5.3
071	Информатика	Khoa học thông tin	Information science	3.1.27
072	Информационная потребность	Nhu cầu tin	Information needs	3.4.8.7

073	Информационный поиск	Tìm tin	Information retrieval	3.4.7.9
074	Информация	Thông tin	Information	3.1.28
075	Каталогизация	Biên mục	Cataloguing	3.4.7.5
076	Классификация	Phân loại	Classifying	3.4.7.5.2
077	Книга	Sách	Book	3.3.1.4.10
078	Книговыдача	Lưu thông tài liệu	Document circulation	3.4.8.8
079	Комплектование	Bổ sung	Acquisition	3.4.7.1
080	Компьютеризация библиотечной деятельности	Tin học hoá thư viện	Library computerization	3.4.3
081	Кооперирование в библиотечном деле	Hợp tác thư viện	Co-operation in Library activities	3.1.25
082	Краеведческая коллекция	Bộ sưu tập địa chí	Local collection	3.3.1.5.4
083	Краеведческая работа	Công tác địa chí	Local information activities	3.4.9
084	Краеведческий документ	Tài liệu địa chí	Local studies Document	3.3.1.4.5
085	Маркетинг библиотечных продуктов и услуг	Marketing sản phẩm và dịch vụ thư viện	Marketing of library products and services	3.4.18
086	Местное издание	Tài liệu địa phương	Local publication	3.3.1.4.6
087	Механизация библиотеки	Cơ khí hoá thư viện	Mechanization of library	3.4.1
088	Многоотраслевая библиотека	Thư viện đa ngành	Multidisciplinary library	3.2.6
089	Мобильная библиотека	Thư viện di động	Mobile library	3.2.5.5
090	Мультимедийная библиотека	Thư viện đa phương tiện	Multimedia library	3.2.3.2
091	Научная Библиотека	Thư viện nghiên cứu	Research library	3.2.7.1
092	Научно-методическая работа библиотек	Hướng dẫn nghiệp vụ thư viện	Guide in methods of library	3.4.20
093	Национальная библиография	Thư mục quốc gia	National bibliography	3.4.16
094	Национальная библиотека	Thư viện quốc gia	National library	3.2.4
095	Норм библиотечного труда	Định mức lao động thư viện	Library labour norm	3.4.6
096	Норм времени	Định mức thời gian	Time norm	3.4.6.3
097	Норм выработки	Định mức sản phẩm	Product norm	3.4.6.2

098	Норм обслуживания	Định mức phục vụ	Service norm	3.4.6.1
099	Носитель информации	Vật mang tin	Carrier	3.1.29
100	Областная библиотека	Thư viện cấp tỉnh	Provincial library	3.2.5.1
101	Общедоступность библиотек	Tính phổ cập của thư viện	Accessibility of library	3.1.5
102	Обязательный экземпляр	Bản lưu chiếu	Deposit	3.1.14
103	Организация библиотечного труда	Tổ chức lao động thư viện	Organization of labour in library	3.1.18
104	Официальная публикация	Xuất bản phẩm chính thức	Official publication	3.3.1.4.13
105	Периодическая публикация	Xuất bản phẩm định kỳ	Periodical	3.3.1.4.14
106	Политика доступа	Chính sách truy cập	Access policy	3.4.8.3
107	Пользователь библиотек	Người sử dụng thư viện	Library user	3.4.8.4
108	Правительственное издание	Tài liệu chính phủ	Government document	3.3.1.4.2
109	Предметизация	Định tiêu đề chủ đề	Subject indexing	3.4.7.5.4
110	Представление обязательного экземпляра	Lưu chiếu	Legal deposit	3.1.13
111	Приватная библиотека	Thư viện tư nhân	Private library	3.2.2.2
112	Пропаганда документов	Tuyên truyền tài liệu	Propaganda of documents	3.4.8.10
113	Процесс библиотечной технологии	Quy trình kỹ thuật thư viện	Process of library technology	3.4.5.2
114	Публикация	Xuất bản phẩm	Publication	3.3.1.4.12
115	Публичная библиотека	Thư viện công cộng	Public library	3.2.5
116	Путь библиографической справки	Chu trình của yêu cầu thư mục	Cycle of Bibliographic enquiry	3.4.12
117	Путь документа	Chu trình của tài liệu	Cycle of document	3.4.7
118	Путь читательного требования	Chu trình của yêu cầu đọc	Cycle of reading demand	3.4.8.2
119	Работа с читателями	Công tác bạn đọc	Readers' services	3.4.8
120	Разделение ресурсов	Chia sẻ nguồn lực	Resource sharing	3.4.8.12
121	Районная библиотека	Thư viện cấp huyện	District library	3.2.5.2
122	Редкий документ	Tài liệu quý hiếm	Rare document	3.3.1.4.4
123	Сельская библиотека	Thư viện cấp xã	Commune library	3.2.5.3

124	Сериал	Tài liệu nhiều kỳ	Serial	3.3.1.4.15
125	Серая литература	Tài liệu xám	Grey literature	3.3.1.4.8
126	Серия	Tùng thư	Series	3.3.1.4.16
127	Сохранение	Bảo quản	Preservation	3.4.19
128	Специализированная библиотека	Thư viện chuyên biệt	Specialized library	3.2.7.3
129	Специальная библиотека	Thư viện chuyên ngành	Special library	3.2.7
130	Справочная библиотека	Thư viện tra cứu	Reference library	3.2.7.11
131	Справочный аппарат	Bộ máy tra cứu	Reference tools	3.4.7.8
132	Техническая обработка	Xử lý kỹ thuật	Technical processing	3.4.7.2
133	Тип библиотеки	Loại hình thư viện	Type of library	3.2.1
134	Типология библиотек	Phân định loại hình thư viện	Determining types of libraries	3.2.2
135	Универсальная библиотека	Thư viện tổng hợp	General library	3.2.3
136	Универсальный библиографический контроль	Kiểm soát thư mục toàn cầu	Universal bibliographic control	3.4.7.4
137	Управление библиотекой	Quản lý thư viện	Library management	3.1.16
138	Хранилище документов	Kho tài liệu	Document warehouse	3.1.31
139	Центр учебных материалов	Trung tâm học liệu	Learning resource centre	3.2.6.3
140	Центральная библиотека	Thư viện trung tâm	Central library	3.2.5.4
141	Цифровая библиотека	Thư viện số	Digital library	3.2.3.3
142	Цифровая коллекция	Bộ sưu tập số	Digital collection	3.3.1.5.6
143	Цифровое право	Quyền số	Digital right	3.1.15
144	Цифровой документ	Tài liệu số	Digital document	3.3.1.4.1
145	Читатель	Bạn đọc	Reader	3.4.8.5
146	Читательская потребность	Nhu cầu đọc	Reading needs	3.4.8.6
147	Чтение	Đọc	Reading	3.1.34
148	Школьная библиотека	Thư viện trường học	School library	3.2.6.2
149	Ядро фонда	Bộ sưu tập hạt nhân	Core collection	3.3.1.5.3
150	Экономика библиотечного дела	Kinh tế thư viện	Library economics	3.1.19

151	Эндогенный документ	Tài liệu nội sinh	Endogenous document	3.3.1.4.7
152	Эффективность работы библиотеки	Hiệu quả hoạt động thư viện	Effectiveness of library activities	3.1.4

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] Bộ quy tắc mô tả Anh - Mỹ (AACR2). Phần thuật ngữ
- [2] Lê Văn Viết, Cẩm nang nghề thư viện. – H.: VHTT, 2000. – Trang 73 – 75
- [3] Nghị định số 72/2002/NĐ-CP ngày 6/8/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thư viện
- [4] Pháp lệnh Thư viện: được UBTV Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 28/12/2000
- [5] Quyết định số: 428/TCCP-VC ngày 02 tháng 6 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành Văn hóa – Thông tin
- [6] Từ điển giải nghĩa thư viện học và tin học Anh – Việt = English – Vietnamese ALA Glossary of Library and Information Science, Lâm Vĩnh Thế, Phạm Thị Lệ Hương, Nguyễn Thị Nga dịch, Galen Press.Ltd, USA
- [7] Vũ Dương Thúy Nga, Phạm Văn Rính, Nghiên cứu và đề xuất giải pháp chuẩn hóa thuật ngữ trong lĩnh vực thư viện – thông tin học ở Việt Nam: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, Hà Nội
- [8] Библиотечное дело. Терминологический словарь. – М: Книга, 1986 (Sự nghiệp thư viện : Từ điển thuật ngữ. – M.: Книга, 1986)
- [9] ГОСТ 7.74-96: Информационно-поисковые языки. Термины и определения (Các ngôn ngữ tìm tin. Thuật ngữ và định nghĩa)
- [10] ГОСТ 7.0 - 99: Информационно-библиотечная деятельность, библиография. Термины и определения. (Hoạt động thông tin - thư viện, thư mục. Thuật ngữ và định nghĩa)
- [11] Digital rights - Wikipedia, the free encyclopedia
en.wikipedia.org/wiki/Digital_rights
- [12] Library computerization: an inexpensive approach - Emerald
www.emeraldinsight.com/journals.htm?articleid=863072
- [13] The librarian's thesaurus: a concise guide to library and information terms, Chicago ; London
- [14] Reitz, Joan M. ODLIS: Online Dictionary of Library and Information Sciences.
- [15] Taylor, Arlene G. (1992), Introduction to cataloging and classification, Englewood, Libraries Unlimited INC
-